TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH N
Bản án số: 16/2019/HNGĐ - ST
Ngày 26/7/2019
(*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Ông **Hà Thiện Thành**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Duy Quyết** và ông **Đinh Công Hiến**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Bùi Hồng Mơ** – Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thu Lan** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 07 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2019/TLST – HNGĐ ngày17 tháng 4 năm 2019 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Hữu Đ** (*tên gọi khác Trần Như Đ)*, sinh năm 1979; địa chỉ thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị **Hoàng Thị Thúy V**, sinh năm 1983; Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh N. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 12 tháng 4 năm 2019 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trần Hữu Đ trình bày: Giữa anh Trần Hữu Đ và bị đơn là chị Hoàng Thị Thúy V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 03 năm 2005, tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N. Anh Đ và chị V chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không quan hệ với nhau. Chị V tự ý bỏ nhà đi từ tháng 6 năm 2014 đến nay không trở về. Anh Đ đã tìm kiếm bằng nhiều biện pháp, nhưng không có kết quả. Đến ngày 15 tháng 8 năm 2017

Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N đã ra quyết định số 02/2017/QĐDS-ST về việc tuyên bố một người mất tích đối với chị Hoàng Thị Thúy V. Từ thời điểm Tòa án tuyên bố mất tích đến nay, chị V cũng chưa lần nào trở về gia đình và địa phương. Anh Đ thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Đ đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị Thúy V.

Về con chung anh Trần Hữu Đ trình bày: Vợ chồng anh có một con chung cháu là Trần Thị Ánh T, sinh ngày 17/5/2006; khi chị V bỏ đi có đưa cháu T đi cùng, hiện nay anh cũng không biết tin tức gì về con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Anh Trần Hữu Đ không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn là chị Hoàng Thị Thúy V, nhưng chị V đều vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa.

Tại phiên toà vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của ng- ời tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Xử: Cho anh Trần Hữu Đ (*tên gọi khác Trần Như Đ)* và chị Hoàng Thị Thúy V được ly hôn;

- Về án phí: Anh Trần Hữu Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Hữu Đ có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N giải quyết cho anh được ly hôn chị Hoàng Thị Thúy V; chị Hoàng Thị Thúy V có nơi cư trú cuối cùng tại thôn Đ, xã G, huyện V, tỉnh N,

đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Ninh B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn anh Trần Hữu Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Hoàng Thị Thúy V đã bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N tuyên bố mất tích và được triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Hữu Đ và chị Hoàng Thị Thúy V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện V, tỉnh N vào ngày 28/03/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, chị V tự ý bỏ nhà đi từ tháng 6 năm 2014 đến nay không trở về. Tại Quyết định số 02/2017/QĐDS-ST, ngày 15 tháng 8 năm 2017, của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N đã tuyên bố chị Hoàng Thị Thúy V mất tích. Điều đó chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa anh Đ và chị V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Hữu Đ.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Trần Hữu Đ và chị Hoàng Thị Thúy V có một con chung cháu là Trần Thị Ánh T, sinh ngày 17/5/2006; khi chị V bỏ đi có đưa cháu T đi cùng, hiện nay anh Đ cũng không biết tin tức gì về con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Chị Hoàng Thị Thúy V không có lời khai, không có mặt tại phiên tòa, nên không có quan điểm của chị V về con chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết. Sau này nếu hai bên có tranh chấp về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Anh Trần Hữu Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Anh Trần Hữu Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Hữu Đ (*tên gọi khác Trần Như Đ)* và chị Hoàng Thị Thúy V được ly hôn;

2. Về con chung và tài sản chung.

Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Anh Trần Hữu Đ (*tên gọi khác Trần Như Đ)* phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2013/0001218 ngày 17/04/2019.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh N;
-VKSND huyện V;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Thiện Thành